TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 09/10/2020
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và chia tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc
Các Thẩm phán: 1/- Ông Trương Hoài Bình.
2/- Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản*".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Kim Thanh**, sinh năm: 1959. Địa chỉ: Hẻm 1 đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản và nợ chung: ông ***Đỗ Minh Q***, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Hẻm 1 đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 21/9/2020).

2. Bị đơn: Ông **Đặng Minh Tuấn**, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Lô C, đường X, KDC phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Công ty Cổ phần Đầu tư - Địa ốc H**. Địa chỉ: đường V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ***Dương Văn H***, sinh năm: 1982. Chức vụ: Phó Phòng pháp lý (văn bản ủy quyền ngày số 09/2019/UQ-HQCT-PL ngày 15/8/2019).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Đỗ Kim Th trình bày:*

Bà và ông Đặng Minh T tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố Cần Thơ (cũ) ngày 13/01/1988. Thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nhưng vì con còn nhỏ nên cố gắng chịu đựng cho đến khi con trưởng thành. Nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Thực tế bà và ông T đã sống ly thân hơn 10 năm qua. Bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: ông bà có 01 con chung tên Đặng Thanh H (nữ), sinh ngày 05/5/1990, đã trưởng thành.

Về tài sản chung gồm có: Căn nhà tại Lô C, đường X theo Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai số 255/HĐMB-HQCT-2019 ngày 09/01/2019 ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư - Địa ốc H, trị giá 1.407.100.000đ, yêu cầu được chia ½ bằng tiền; Số tiền bán căn nhà ở khu biệt thự L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh còn dư khoảng 700 triệu, yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: nợ Công ty H tiền mua nhà còn lại 70.355.000đ, yêu cầu chia đôi số nợ. Ngoài ra, yêu cầu buộc ông T cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tài sản xin được nhận nhà và hoàn trả giá trị cho bị đơn; Về khoản tiền 700 triệu, bị đơn thừa nhận còn lại 500 triệu, nên bà yêu cầu chia đôi 500 triệu. Đồng thời, rút lại yêu cầu buộc bị đơn cắt chuyển hộ khẩu sau khi ly hôn.

* *Bị đơn ông Đặng Minh T trình bày:*

Thống nhất do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên ông bà đã ly thân nhiều năm qua. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không dung hòa được nên ông đồng ý ly hôn với bà Th. Về con chung, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, khi bán căn nhà ở C (G, Thành phố Hồ Chí Minh), sau khi trả nợ của ông bà cùng với tiền mua căn nhà của Công ty H, còn lại khoảng 500 triệu. Tuy nhiên, ông còn nợ người chú ở nước ngoài tiền mua chiếc xe Innova 2008 là 28.000 USD. Chiếc xe này do làm ăn thua lỗ nên ông đã bán để xoay sở tiền nợ nần và sinh sống qua ngày. Do đó, số tiền 500 triệu ông đã dùng trả nợ hết.

Ông đồng ý phân chia tài sản theo luật định, nhưng yêu cầu nhận nhà và hoàn tiền cho bà Th giá trị nhà đất 30%.

Về nợ chung, còn nợ Công ty H 70.355.000đ, thống nhất chia đôi số nợ này.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư - Địa ốc H trình bày:*

Vào ngày 09/01/2019 Công ty CP Đầu tư - Địa ốc H có bán cho ông Đặng Minh T, bà Đỗ Kim Th 01 căn nhà hình thành trong tương lai theo Hợp đồng mua bán số 255/HĐMB-HQCT-2019, thuộc Lô số C. Công ty đã bàn giao nhà cho ông T, bà Th quản lý, sử dụng theo quy định hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng mua bán căn nhà trên là 1.407.100.000đ. Ông T, bà Th đã thanh toán cho Công ty số tiền 1.336.745.000đ, còn nợ lại 70.355.000đ. Công ty yêu cầu ông T, bà Th phải thanh toán số tiền còn lại và nghiêm chỉnh thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định theo hợp đồng, cũng như các nghĩa vụ công dân thuộc dự án Công ty.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2020/HNGĐ-ST ngày 16/6/2020 đã tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Kim Th và ông Đặng Minh T.

Về con chung: Đặng Thanh H (nữ), sinh ngày 05/5/1990, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tổng giá trị tài sản của bà Th và ông T là 1.907.100.000đ (Gồm: Tiền Việt Nam 500.000.000đ và 1.407.100.000đ - trị giá nhà, đất tại Lô C, đường X, thuộc Dự án khu dân cư T, quận C, thành phố Cần Thơ), mỗi bên được hưởng 953.550.000đ (trong đó giá trị nhà đất là 703.550.000đ và tiền bán nhà là 250.000.000đ).

Giao nhà, đất (tại Lô C, đường X, thuộc Dự án khu dân cư T, quận C, thành phố Cần Thơ) cho bà Th sử dụng, bà Th có trách nhiệm giao cho ông T 703.550.000đ. Ông T còn giữ của bà Th 250.000.000đ, vì vậy bà Th chỉ giao cho ông T số tiền 453.550.000đ là đủ (đã cấn trừ vào số tiền 250.000.000đ ông T còn giữ của bà Th).

Về nợ chung: Bà Th và ông T mỗi người phải trả cho Công ty H số tiền 35.177.500đ (70.355.000đ/2).

Về yêu cầu cắt chuyển hộ khẩu: Đình chỉ, không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/6/2020, ông Đặng Minh T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, hai bên thỏa thuận ông nhận nhà, bà Th nhận giá trị, nhưng tại phiên tòa bà thay đổi ý kiến đòi nhận nhà và thối lại ½ giá trị cho ông khi chưa hòa giải lại cũng như định giá tài sản là thiệt thòi quyền lợi cho ông. Đồng thời khoản tiền 500 triệu ông đã trả nợ mua xe, nợ làm ăn hết không còn nên buộc ông chia ½ là không hợp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và xác định không yêu cầu định giá tài sản; đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu được nhận căn nhà. Xét từ khi mua căn nhà của Công ty H đến nay, bị đơn ở liên tục, ngoài căn nhà này bị đơn không còn chỗ ở khác. Đối với nguyên đơn thì sau đó đã bỏ về nhà mẹ ruột ở, như vậy nguyên đơn còn có chỗ ở khác. Đồng thời trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải vụ án, nguyên đơn cũng đồng ý cho bị đơn quyền chọn nhận nhà và hoàn tiền cho nguyên đơn. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu đòi nhận nhà là trái với sự thỏa thuận ban đầu. Kháng cáo của bị đơn có căn cứ, đề nghị sửa án phần này bị đơn được quyền sở hữu nhà và hoàn 50% giá trị cho nguyên đơn. Riêng yêu cầu kháng cáo về khoản tiền 500 triệu ông đã trả nợ hết, không còn nên không đồng ý chia cho bà Th ½ như án sơ thẩm tuyên. Xét bị đơn không chứng minh được việc trả nợ chung và nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không chấp nhận kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Về tố tụng*:

[1] Bà Đỗ Kim Th và ông Đặng Minh T xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ hôn nhân của ông bà hợp pháp là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn thỏa thuận thống nhất với bị đơn về việc thuận tình ly hôn nên xin được xét xử vắng mặt và ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đỗ Minh Q về phần tài sản, nợ chung. Người liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư-Địa ốc H cũng yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đò cấp sơ thẩm xét xử là đúng quy định và thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về nội dung*: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu xem xét cho ông được nhận căn nhà, ông sẽ thối lại ½ giá trị cho bà Th. Đồng thời không chấp nhận chia ½ số tiền 500 triệu vì đã trả nợ hết không còn; Xét kháng cáo thấy rằng:

[2] Về nội dung yêu cầu được chia và nhận hiện vật là căn nhà Lô C Công ty H như đã thỏa thuận trong quá trình hòa giải ở cấp sơ thẩm; xét thấy: suốt trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên thỏa thuận thống nhất lấy giá theo hợp đồng mua bán nhà của Công ty H để phân chia, không yêu cầu định giá; ông T nhận nhà và có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho bà Th. Tuy nhiên, do hai bên không thống nhất được tỷ lệ phân chia. Cụ thể bà Th yêu cầu chia đôi mỗi bên ½ giá trị căn nhà là 1.407.100.000đ : 2 = 703.550.000đ; còn ông T cho rằng do tiền mua căn nhà này là từ nguồn tiền bán căn nhà ở quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản do ông tự tạo lập). Vì vậy, ông chỉ chấp nhận chia cho bà Th 30% mà thôi. Do có tranh chấp, không thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên mới phải đưa ra xét xử. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Th thay đổi yêu cầu được nhận nhà và thối ½ giá trị cho bị đơn là trái với sự thỏa thuận, tự nguyện của các bên trong quá trình hòa giải. Mặt khác, xét điều kiện hiện tại bị đơn không còn chỗ ở khác ngoài căn nhà này (có đơn và xác nhận của địa phương), là người đang trong tình trạng thật sự khó khăn về nhu cầu chỗ ở. Riêng bà Th từ đó đến nay đã về chung sống cùng mẹ ruột và các anh chị em cũng có điều kiện để hỗ trợ. Do đó, kháng cáo về nội dung này của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nội dung không đồng ý chia ½ số tiền 500 triệu vì đã trả nợ hết không còn. Xét thấy: do đây là tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung. Bị đơn không chứng minh được nghĩa vụ phải thực hiện từ việc định đoạt phần tài sản này theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó căn cứ để xác định và buộc bà Th cùng chịu trách nhiệm nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng trong trường hợp này không thỏa mãn, nên cấp sơ thẩm buộc chia đôi là có cơ sở. Kháng cáo phần này không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo nên không điều chỉnh.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và sửa một phần án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do các đương sự là người trên 60 tuổi, nên được miễn toàn bộ án phí sơ và phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, 148, 244, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 29, 37, 38, 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đặng Minh T; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1/- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Kim Th với ông Đặng Minh T.

2/- Về con chung: Đặng Thanh H (nữ), sinh ngày 05/5/1990, đã trưởng thành nên không điều chỉnh.

3/- Về tài sản chung và nợ chung:

+ Ông Đặng Minh T được quyền sở hữu căn nhà tại Lô C, đường số X theo Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai số 255/HĐMB-HQCT-2019 ngày 09/01/2019 ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư - Địa ốc H.

+ Ông Đặng Minh T có trách nhiệm giao cho bà Đỗ Kim Th số tiền 953.550.000đ (*Chín trăm năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

+ Ông Đặng Minh T, bà Đỗ Kim Th mỗi người có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Địa ốc H số tiền 35.177.500đ.

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; Kể từ ngày Công ty H giao giấy tờ sở hữu nhà cho ông T và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T bà Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì các đương phải chịu lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án theo nghĩa vụ của mỗi người.

4/- Đình chỉ xét xử về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cắt chuyển hộ khẩu tại địa chỉ Hẻm 1, đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

5/- Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: các đương sự được miễn toàn bộ.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí 11.315.500đ theo Biên lai số 008231 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND.quận Ninh Kiều;
- Chi cục THADS.Ninh Kiều;
- Lưu HS-VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Quốc